

Bản tin chứng khoán

Trong số này

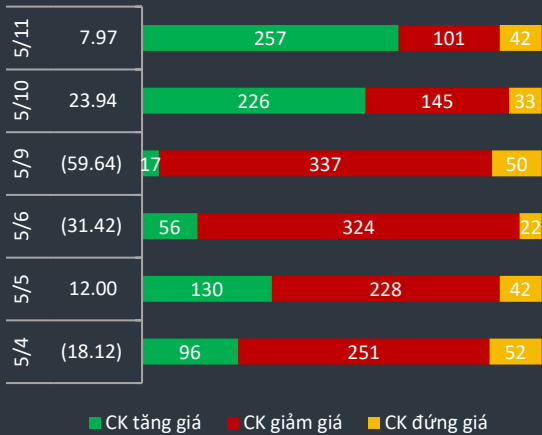
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

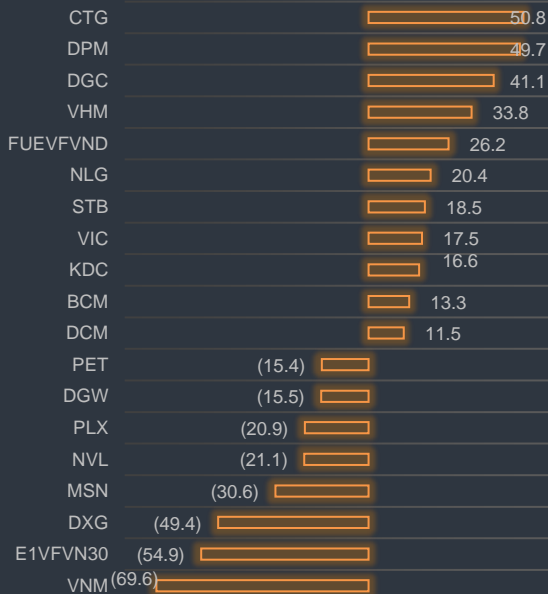
Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



PVT: Tổng CTCP Vận tải Dầu khí vừa công bố tài liệu hợp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 với kế hoạch doanh thu hợp nhất năm nay đạt 6.500 tỷ đồng, lãi sau thuế 480 tỷ đồng, tương ứng giảm 12,8% và giảm 42% so với thực hiện năm 2021.

Doanh nghiệp cũng trình ĐHĐCĐ phương án tăng vốn điều lệ từ 3.236 tỷ đồng lên 3.560 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 10%. Số cổ phiếu dự kiến phát hành là 32,3 triệu cổ phiếu.

Nhu cầu vận tải trong nước năm 2022 dự kiến gia tăng khi nhu cầu tiêu thụ sản phẩm hóa dầu từ các Nhà máy Lọc dầu Dung Quất và Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn dần hồi phục. PVT dự kiến đầu tư lớn mua tàu mới. Tổng vốn đầu tư năm nay của PVT theo kế hoạch là 3.299 tỷ đồng. Trong đó, khoản chi 122,5 triệu USD (khoảng 2.915 tỷ đồng) để đầu tư cho các dự án mua tàu mới với tổng 5 tàu chở dầu /hóa chất và 1 tàu chở hàng rời.

CKG: CKG vừa báo cáo kết quả kinh doanh quý I/2022 với doanh thu thuần giảm nhẹ xuống 244,54 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu địa ốc chiếm tỷ trọng 88%, thương mại chiếm 7%, còn lại đến từ doanh thu thi công, tư vấn thiết kế, khảo sát, giám sát, kinh doanh nhà hàng.

Nhờ giá vốn giảm 6% nên lợi nhuận gộp của CKG đạt 79,1 tỷ đồng, tăng 13%. Biên lợi nhuận cũng được cải thiện từ 28,3% lên 32,3%.

Kỳ này, chi phí tài chính Công ty tăng 2%, chi phí bán hàng tăng 8%, còn chi phí quản lý doanh nghiệp được tiết giảm 9%. Kết quả, CKG ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt 32,4 tỷ đồng, tăng 47% so với quý I/2021.

Trong năm 2022, CKG đặt kế hoạch đem về 1.320 tỷ đồng doanh thu và 164 tỷ đồng lãi sau thuế, lần lượt tăng 30% và 16% so với thực hiện năm 2021. Với kết quả đạt được, quý I, Công ty đã hoàn thành lần lượt 18,5% và 20% kế hoạch năm.

Vnindex 1301.53

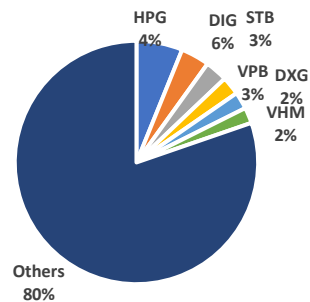
▲ +7.97 (+0.62%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
REE	92.6	6.0	6.93
CTG	26.7	1.5	5.95
BCM	84.7	4.6	5.74
PNJ	107.0	4.0	3.88
FPT	101.9	3.5	3.56
VRE	28.9	0.8	2.85
VIB	39.5	1.1	2.73
ACB	31.6	0.8	2.60
MBB	27.5	0.5	1.66
HVN	20.3	0.2	1.00
VHM	70.5	0.6	0.86
BID	36.1	0.3	0.84
GAS	108.9	0.9	0.83
HDB	24.3	0.2	0.83
TCB	39.0	0.3	0.78
MWG	141.0	0.9	0.64
DHG	98.0	0.6	0.62
TPB	33.5	0.2	0.45
VPB	33.4	0.1	0.30
VIC	80.5	0.1	0.12
VCB	80.0	-	-
NVL	78.7	(0.3)	(0.38)
GVR	24.6	(0.2)	(0.61)
SSI	27.7	(0.2)	(0.72)
POW	13.2	(0.1)	(0.75)
SAB	163.5	(1.4)	(0.85)
HPG	40.7	(0.5)	(1.09)
STB	23.6	(0.4)	(1.46)
VNM	69.5	(1.1)	(1.56)
PDR	60.7	(1.2)	(1.94)
VJC	126.5	(2.6)	(2.01)
BVH	58.5	(1.5)	(2.50)
PLX	41.5	(1.2)	(2.81)
MSN	111.9	(4.2)	(3.62)



GTGD



Thị trường có phần rung lắc nhẹ hôm nay sau phiên hồi phục mạnh hôm trước hơn 23 điểm. Chỉ số Vnindex chỉ đảo chiều tăng 7 điểm ở những phút giao dịch cuối cùng phiên ATC. Sắc diện thị trường đã có phần lạc quan hơn với màu xanh chiếm đa số, tuy nhiên thanh khoản chung của thị trường vẫn ở mức rất thấp và chỉ đạt khoảng 10 ngàn tỷ đồng trên sàn HOSE.

Những nhóm cổ phiếu rơi mạnh nhất sau khi bị nén chặt sẽ phục hồi nhanh hơn và chủ yếu nằm ở nhóm bất động sản và chứng khoán. Hàng loạt cổ phiếu bất động sản thuộc nhóm đầu cơ cao như CEO, DIG, LDG, CII, CCL. Cổ phiếu chứng khoán cũng đồng loạt tăng mạnh chủ yếu ở nhóm nhỏ như DSC, APS, EVS, WSS

Chỉ số Vnindex vẫn còn giằng co khá mạnh khi tiếp cận lại ngưỡng 1300. Thanh khoản thị trường sẽ còn tiếp tục ở mức thấp ít nhất trong vài tuần do nhà đầu tư bị kẹp hàng ở vùng giá cao chưa thoát ra, chưa kể phần lớn khác thận trọng trước diễn biến thị trường khó lường. Chiến lược hiện tại vẫn là tận dụng các nhịp hồi để cơ cấu lại danh mục và hạn chế sử dụng margin ở giai đoạn hiện tại. Danh mục cổ phiếu có thể giao dịch ngắn hạn: GMD, HAH, FPT, STB, BCM, REE, NLG.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Note	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
DGW	115.8	(15.2)	120	160	Mua mới quanh 120-125	4/26/2022	-7.4%
VCB	80.0	0.1	75	95	Mua quanh 75-78	4/21/2022	2.0%
MSN	111.9	(1.1)	117	145	Mua thêm quanh 100-110	4/21/2022	-9.0%
VPB	33.4	(6.7)	35	45	Chờ mua thêm quanh 30-32	2/25/2022	-8.5%
TCM	65.6	(7.5)	60	100	Mua mới quanh 65-67. Mục tiêu 100	2/18/2022	-2.1%
HPG	40.7	(3.2)	40	60	Nằm giữ	2/8/2022	-9.7%
TNG	31.1	(9.6)	24	45	Mua mới quanh 27-29. Mục tiêu 45	2/7/2022	7.2%
GVR	24.6	(12.3)	20	40	Mua thêm quanh 22-24. Nằm giữ	4/26/2022	-12.1%
REE	92.6	11.6	60	90	Nằm giữ	1/20/2022	42.5%
OCB	19.9	(13.7)	24	35	Mua thêm quanh 18-22	4/25/2022	-9.5%
STK	55.5	(5.3)	50	70	Mua quanh 51-53. Mục tiêu 70	1/13/2022	4.7%
VIB	39.5	(2.4)	40	60	Mua thêm quanh giá 40-41	4/28/2022	-8.3%
MBB	27.5	(4.8)	25	35	Nằm giữ, mục tiêu 37	1/4/2022	-5.2%
MWG	141.0	(5.7)	125	160	Mua quanh 130-135.	1/4/2022	4.4%
DPM	73.0	(8.8)	35	77	Chốt lời	2/7/2022	73.8%

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Tăng trưởng ngành trong ngày

Nước	3.55
Bất động sản	3.35
Truyền thông	2.80
Hóa chất	2.79
Cao su	2.41
Dịch vụ tài chính	2.31
Xây dựng	2.24
Hàng & Dịch vụ...	1.97
Viễn thông	1.96
Vận tải - Logistics	1.88
Bất động sản KCN	1.88
Khoáng sản	1.42
Vật liệu xây dựng	1.40
Du lịch và Giải trí	1.37
Công nghệ Thông tin	1.31
Ngân hàng	1.16
Tài nguyên Cơ bản	1.12
Sản xuất và KD Thép	1.11
Điện	1.08
Y tế	1.04
Dệt May	1.04
Bảo hiểm	0.99
Dầu khí	0.90
Bán lẻ	0.86
Phân bón	0.84
Ô tô và phụ tùng	0.74
Thực phẩm và đồ...	0.71
Hàng cá nhân & Gia...	0.53
Thủy sản (0.05)	0.05
Baob81)	0.05

VIB - Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Ngày 16/5 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông nhận cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 35% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 35 cổ phiếu), tương đương VIB sẽ phát hành thêm hơn 543 triệu cổ phiếu mới trong đợt này.

D2D - CTCP Phát triển đô thị công nghiệp số 2 - Ngày 9/5, HĐQT đã có quyết định chi trả cổ tức đợt 2 năm 2021 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 35%. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức vào 24/5/2022 và thanh toán bắt đầu từ ngày 02/6/2022.

TNT - CTCP Tập đoàn TNT – Đã thông qua chủ trương chấm dứt việc thực hiện và thanh lý hợp đồng nhận chuyển nhượng 84 lô đất của CTCP Đầu tư xây dựng Bất động sản Trí Nguyễn.

VSC - CTCP Tập đoàn Container Việt Nam – Đã thông qua việc triển khai phát hành hơn 11,02 triệu cổ phiếu trả cổ tức theo tỷ lệ 10 :1. Thời gian thực hiện dự kiến trong năm 2022.

BMP - CTCP Nhựa Bình Minh - Ngày 11/5 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 2 năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 12/5. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 13,5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 13/6/2022.

APH, AAA - Tập đoàn An Phát và Nhựa An Phát Xanh - Đã ra nghị quyết đăng ký thực hiện quyền mua cổ phiếu của Nhựa Hà Nội (NHH) trong đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1. An Phát sẽ mua vào thêm 8,03 triệu đơn vị để giữ nguyên tỷ lệ sở hữu 22,06% vốn của Nhựa Hà Nội còn Nhựa An Phát Xanh sẽ mua thêm 16,28 triệu đơn vị để giữ nguyên tỷ lệ sở hữu 44,69% vốn.

GEX - CTCP Tập đoàn Gelex - Điều chỉnh tờ trình từ không chia cổ tức năm 2021 sang chia với tỷ lệ 5%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ nhận được 500 đồng. Như vậy, ước tính công ty sẽ phải trả tổng cộng là 425,7 tỷ đồng trong lần chia cổ tức này.

KSB - Công ty cổ phần khoáng sản và xây dựng Bình Dương - Năm 2022 với kế hoạch doanh thu 1.200 tỷ đồng, tăng 20%; lãi sau thuế 280 tỷ đồng, tăng 10,7% so với thực hiện năm trước.

Ngoài kế hoạch kinh doanh, HĐQT Công ty KSB Bimico cũng trình phương án chào bán 38,1 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ thực hiện 50% với giá 16.000 đồng/ cổ phiếu. Thời điểm thực hiện trong quý II đến quý IV năm nay.

Ngoài ra, công ty cũng dự kiến phát hành 35 triệu cổ phiếu riêng lẻ, giá chào bán 25.000 đồng/cổ phiếu. Cổ phiếu chào bán riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm. Thời điểm thực hiện trong năm 2022 hoặc quý I/2023.

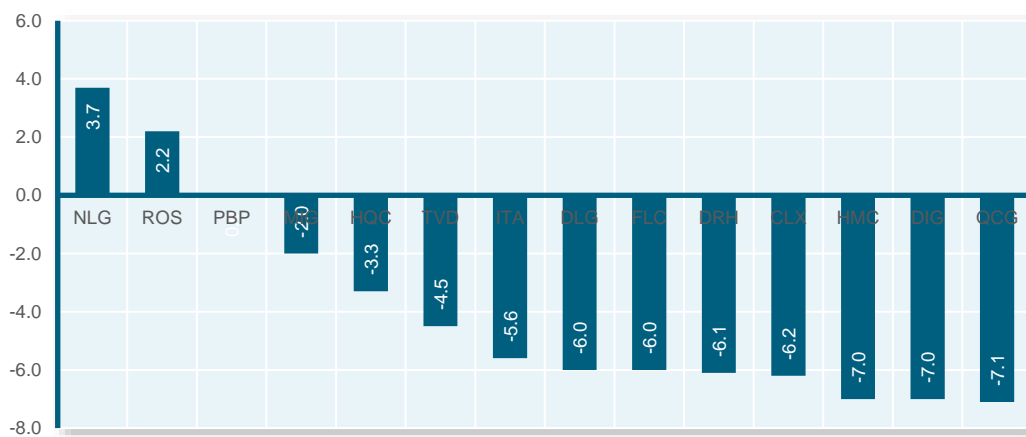


Tổng hợp kết quả kinh doanh theo ngành

Ngành	Số DN	Doanh thu Q1.2021	Doanh thu Q1.2022	% doanh thu	Lợi nhuận Q1.2021	Lợi nhuận Q1.2022	% tăng trưởng LN
Ngân hàng	27	82,357	98,086	19.1%	41,478	54,098	30.4%
Bất động sản	72	62,697	46,729	-25.5%	11,746	10,415	-11.3%
Sản xuất và KD Thép	26	75,320	108,404	43.9%	8,886	9,967	12.2%
Dầu khí	22	103,834	173,495	67.1%	4,931	6,670	35.3%
Thực phẩm và đồ uống	70	60,283	62,634	3.9%	3,610	6,027	67.0%
Phân bón	13	10,388	20,483	97.2%	225	4,815	2036.3%
Điện	41	27,534	36,471	32.5%	2,462	4,799	94.9%
Dịch vụ tài chính	40	10,466	14,040	34.2%	3,532	4,743	34.3%
Vận tải - Logistics	69	19,671	23,903	21.5%	2,550	3,333	30.7%
Xây dựng	101	32,978	32,205	-2.3%	1,883	3,216	70.8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	58	16,670	23,388	40.3%	2,502	2,930	17.1%
Bất động sản KCN	21	12,803	12,523	-2.2%	2,634	2,926	11.1%
Bán lẻ	20	52,675	65,406	24.2%	1,753	2,084	18.9%
Hóa chất	25	14,070	21,084	49.9%	798	2,022	153.4%
Vật liệu xây dựng	39	11,623	14,340	23.4%	1,188	1,604	35.0%
Thủy sản	25	13,681	17,157	25.4%	494	1,481	199.5%
Công nghệ Thông tin	17	9,847	12,189	23.8%	954	1,465	53.5%
Hàng cá nhân & Gia dụng	25	14,084	17,789	26.3%	1,038	1,380	33.0%
Bảo hiểm	12	15,510	17,666	13.9%	1,230	1,341	9.0%
Dệt May	20	11,400	15,588	36.7%	531	823	55.0%
Y tế	34	10,474	9,339	-10.8%	606	735	21.4%
Nước	49	5,118	5,419	5.9%	727	647	-11.1%
Tài nguyên Cơ bản	20	7,246	8,491	17.2%	481	490	1.9%
Du lịch và Giải trí	30	7,525	8,365	11.2%	113	411	263.8%
Khoáng sản	25	13,545	19,506	44.0%	(79)	366	-563.3%
Ô tô và phụ tùng	11	9,478	11,218	18.4%	289	318	9.8%
Truyền thông	27	896	909	1.5%	181	180	-0.7%
Cao su	13	1,154	1,211	5.0%	175	161	-7.6%
Bao bì	16	5,719	8,100	41.6%	125	128	2.0%
Xây dựng và Vật liệu	51	5,031	4,506	-10.4%	27	48	76.5%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	1,796	2,599	44.7%	29	28	-2.0%
Tổng	1024	725,871	913,243	25.8%	97,099	129,650	33.5%



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	% so với đầu năm	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	EPS	Book Value
ACB	HOSE	31.6	-8.1%	2,319,300	7.9	1.8	-	-	4,022	17,840
BID	HOSE	36.1	-3.3%	862,900	13.8	2.1	106,300	65,900	2,615	17,066
CTG	HOSE	26.7	-23.3%	5,667,100	9.7	1.3	2,855,400	951,200	2,739	20,454
EBB	HOSE	31.5	-7.2%	292,100	26.8	2.1	6,400	800	1,172	15,006
HDB	HOSE	24.3	-22.0%	1,473,500	6.9	1.5	358,200	403,700	3,506	16,306
LPB	HOSE	14.9	-26.6%	3,412,400	5.1	1.0	24,300	98,700	2,933	14,712
MBB	HOSE	27.5	-5.5%	5,764,300	7.0	1.5	624,400	620,200	3,933	17,750
MSB	HOSE	21.0	-26.1%	976,600	6.5	1.4	-	-	3,231	15,132
OCB	HOSE	19.9	-28.9%	1,158,900	6.2	1.2	4,100	2,100	3,206	16,404
SHB	HOSE	14.7	-34.9%	5,278,600	5.0	1.0	5,400	95,300	2,913	14,181
SSB	HOSE	36.0	-15.1%	1,794,600	15.6	2.6	6,000	-	2,304	13,611
STB	HOSE	23.6	-26.6%	13,068,000	12.7	1.3	1,720,300	936,700	1,856	18,174
TCB	HOSE	39.0	-23.4%	4,071,500	7.1	1.4	560,000	560,000	5,458	28,080
TPB	HOSE	33.5	-21.8%	3,606,600	8.2	1.9	377,300	174,500	4,079	17,310
VCB	HOSE	80.0	1.3%	931,300	13.5	2.7	514,400	564,300	5,910	29,421
VIB	HOSE	39.5	-17.3%	668,700	8.5	2.4	-	200	4,651	16,748
VPB	HOSE	33.4	-7.2%	7,613,600	6.5	1.6	875,000	875,700	5,135	21,416
BAB	HNX	18.8	-17.5%	8,400	38.4	1.5	-	-	1,021	12,279
NVB	HNX	34.0	3.0%	158,400	-	4.4	-	-	3	7,695
VBB	UPCOM	12.8	-33.0%	3,400	12.0	1.0	-	-	1,068	12,202
VAB	UPCOM	10.9	-26.4%	247,300	5.7	0.9	-	-	1,902	12,443
SGB	UPCOM	14.8	-20.4%	2,000	-	1.2	-	-	540	12,308
PGB	UPCOM	25.0	-25.6%	16,500	25.1	1.8	-	-	997	14,272
NAB	UPCOM	16.5	-16.7%	20,000	-	-	-	-	3,247	17,329
KIJ	UPCOM	29.2	14.5%	300	29.3	2.2	-	-	1,031	13,236
BVB	UPCOM	14.2	-38.3%	427,200	19.6	1.1	-	-	725	13,020
ABB	UPCOM	11.6	-29.3%	1,150,700	4.7	0.9	-	-	2,491	12,860
				60,994,800	11.71	1.69	8,037,500	5,349,300	2,692	16,197



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	TPC	HOSE	24/05/2022	25/05/2022	27/06/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	BTW	HNX	19/05/2022	20/05/2022	20/06/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	PPP	HNX	19/05/2022	20/05/2022	20/06/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	GER	UPCoM	19/05/2022	20/05/2022	31/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	VGG	UPCoM	19/05/2022	20/05/2022	31/05/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	REE	HOSE	17/05/2022	18/05/2022		Trả cổ tức năm 2021 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
7	SED	HNX	13/05/2022	16/05/2022	8/6/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	INN	HNX	12/5/2022	13/05/2022	31/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	VNX	UPCoM	12/5/2022	13/05/2022	25/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	VDT	UPCoM	11/5/2022	12/5/2022	25/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	TDW	HOSE	11/5/2022	12/5/2022	26/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	HHR	UPCoM	11/5/2022	12/5/2022	27/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,350 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	GMH	HOSE	10/5/2022	11/5/2022	31/05/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	BAF	HOSE	9/5/2022	10/5/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 100:45	Phát hành thêm
15	BAF	HOSE	9/5/2022	10/5/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:39	Thưởng cổ phiếu
16	VGL	UPCoM	9/5/2022	10/5/2022	27/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	BAX	HNX	9/5/2022	10/5/2022	11/8/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 5,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	TET	HNX	9/5/2022	10/5/2022	24/05/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	DHA	HOSE	9/5/2022	10/5/2022	24/05/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	FMC	HOSE	9/5/2022	10/5/2022	26/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	PHS	UPCoM	6/5/2022	9/5/2022	6/6/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 480 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	DRL	HOSE	6/5/2022	9/5/2022	18/05/2022	Trả cổ tức đợt 4/2021 bằng tiền, 2,273 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	AGP	UPCoM	6/5/2022	9/5/2022	19/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	VLA	HNX	6/5/2022	9/5/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:85	Thưởng cổ phiếu
25	NDW	UPCoM	6/5/2022	9/5/2022	20/05/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 320 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	CAB	UPCoM	6/5/2022	9/5/2022	9/6/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 540 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	HRB	UPCoM	5/5/2022	6/5/2022	24/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,900 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	PSC	HNX	5/5/2022	6/5/2022	27/05/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng như các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: (84 24) 710 888 48, Fax: (84 24) 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: (84 28) 7108 8848

Fax: (84 28) 3915 2931